TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình
"Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Bốn

Bà Phan Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 81/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11/4/2025 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2025, Quyết định hoãn phiên toà số 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thùy L, sinh năm 2004;

Địa chỉ: Thôn Đồng Cỏm, xã Bình Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Nay là: Thôn Đồng Cỏm, xã Bình Xa, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Vương Toàn T, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn Thọ Bình 1, xã Bình Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Nay là: Thôn Thọ Bình 1, xã Bình Xa, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai, nguyên đơn chị Đặng Thùy L trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vương Toàn T sau một thời gian quan biết, tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/5/2024 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Anh chị có

được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới anh chị về chung sống với nhau tại nhà anh T ở thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tìm hiểu nhau chưa kĩ, lại còn trẻ nên khi về chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau. Anh T không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Hai bên thường xảy ra cãi chửi nhau. Và mỗi lần cãi nhau thì anh T đều bảo làm đơn ra Toà để bỏ nhau. Lần gần đây nhất anh T cũng đã yêu cầu chị làm đơn và cùng ký vào đơn để nộp lên toà án. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng kéo dài, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Anh chị có 1 con chung tên là Vương Toàn Đ, sinh ngày 09/12/2024. Ly hôn, chị nhận nuôi cháu Đ mà không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; Về vay nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Vương Toàn T không đến Toà án để làm việc. Toà án tiến hành xác minh, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương với ông Vương Văn S - trưởng thôn T, xã B và ông Vương Toàn L1 - bố đẻ của anh T; bà Phạm Thị S1 - mẹ đẻ của chị L, kết quả thể hiện: Anh Vương Toàn T là công dân có nơi thường trú tại thôn T, xã B. Còn chị Đặng Thùy L là công dân có nơi thường trú tại thôn Đ, xã B. Anh T và chị L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện H vào năm 2024. Sau khi được 2 bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương, chị L chuyển về chung sống ở nhà bố mẹ đẻ anh T tại thôn T, xã B được khoảng 1 tháng thì về nhà bố mẹ đẻ ở. Cuộc sống vợ chồng của anh chị hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị còn quá trẻ nên khi về chung sống đã nảy sinh bất đồng quan điểm, cãi vã nhau. Chị L và con đã về nhà ngoại ở thôn Đ, xã B, vợ chồng ly thân nhau. Còn anh T vẫn ở nhà bố mẹ là ông Vương Toàn L1 và Nguyễn Thị H nhưng hiện tại đang đi làm ở Hải Phòng, không thường xuyên có mặt tại địa phương. Thời gian trước khi anh T đi làm công nhân ở Hải Phòng cũng có nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Toà án do bưu điện chuyển đến nhưng vì không muốn ly hôn nên anh T đã không lên Toà án để làm việc. Gia đình đôi bên cũng hoà giải cho anh chị nhiều lần nhưng không được. Do đó chính quyền địa phương cùng gia đình xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh chị có 01 con chung, tên là Vương Toàn Đ, sinh ngày 09/12/2024. Cháu Đ đang ở cùng với chị L và ông bà ngoại ở thôn Đ, xã B. Về tài sản chung, về vay nợ chung, chị L và anh T chung sống với nhau tại gia đình nhà anh T một thời gian ngắn nên không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thùy L:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thùy L được ly hôn với anh Vương Toàn T.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Vương Toàn Đ, sinh ngày 09/12/2024 cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung; Về vay nợ chung: Do các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Đặng Thùy L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Đặng Thùy L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vương Toàn T, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là Tranh chấp hôn nhân và gia đình *"Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã B, tỉnh Tuyên Quang). Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Toà án để làm việc. Toà án tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, vay nợ chung của các đương sự cũng như tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Việc anh T không đến Toà án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ pháp luật, không thực hiện hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Toà án đã xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn với nhau từ năm 2024, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà anh T ở thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang được khoảng 1 tháng thì phát sinh mân thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị còn trẻ, quá trình tìm hiểu nhau chưa kỹ nên khi về chung sống đã nảy sinh nhiều bất đồng. Bên cạnh đó anh T còn mải chơi, không chịu khó làm ăn, không chăm lo được cuộc sống gia đình. Chị L đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã B từ ra Tết nguyên đán năm 2025, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, ai cũng có cuộc sống của riêng mình. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới. Anh T thông qua Toà án và gia đình cũng đã biết được chị L đang có đơn xin ly hôn anh nhưng vì anh không nhất trí ly hôn, đang đi làm xa nhà, không có mặt tại địa phương nên không lên Toà án giải quyết vụ việc được.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị L và anh T sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh chị cũng không có động thái gì hàn gắn quay về chung sống, đoàn tụ vợ chồng. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh T có 01 con chung tên là Vương Toàn Đ, sinh ngày 09/12/2024. Hiện tại cháu đang ở cùng chị L và ông bà ngoại tại thôn Đ, xã B. Quá trình giải quyết vụ án, chị L có ý kiến muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Hiện tại con chung của anh chị được 7 tháng tuổi. Để đảm bảo điều kiện nuôi con, tránh sự xáo trộn, sự phù hợp về pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Đ cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

* Về tài sản chung, vay nợ chung: Do các đương sự không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thùy L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thùy L được ly hôn với anh Vương Toàn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2024 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã B, tỉnh Tuyên Quang) cấp ngày 14/5/2024 cho chị Đặng

Thùy L và anh Vương Toàn T không còn giá trị pháp lý sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vương Toàn Đ, sinh ngày 09/12/2024 cho chị Đặng Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vương Toàn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Đặng Thùy L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 66 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, chị L đã nộp đủ án phí. Bị đơn anh Vương Toàn T không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Minh Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hoàng Văn Bốn – Phan Thị Bích	**Hoàng Thị Minh Ngọc**